

BỘ NỘI VỤ
Số: 83/2005/TT-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức. Đến nay trong quá trình triển khai thực hiện ở các Bộ, ngành, địa phương đã phát sinh một số vướng mắc, sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan, Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức như sau:

I. VỀ CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG

Chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 7 Nghị định số 204/2004/NĐ/CP được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 theo hướng dẫn tại Thông tư 03/2005/TT-BNV ngày 5 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2005/TT). Nay hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư 03/2005/TT như sau:

1. Bổ sung vào khoản 2 mục I về đối tượng không áp dụng chế độ nâng bậc lương như sau:

Công chức cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao

động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng, hàng tháng được trả thêm tiền lương theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

2. Bổ sung vào điểm 1.2 khoản 1 mục II về thời gian được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên như sau:

Thời gian cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản cử sang làm việc tại các tổ chức quốc tế, dự án, văn phòng đại diện nước ngoài mở tại Việt Nam mà tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ (kể cả phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có) do cơ quan, đơn vị chi trả (vẫn thuộc biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị).

3. Bổ sung vào cuối điểm 1.1 khoản 1 mục III về cách tính số người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc theo tỷ lệ trong một năm không quá 5% tổng số cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị như sau:

Cứ trong mỗi 20 biên chế trả lương (không tính số biên chế dư ra dưới 20 người sau khi lấy tổng số biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị chia cho 20), cơ quan, đơn vị được xác định có 01 người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc. Căn cứ vào cách tính này, vào quý IV hàng năm khi báo cáo về kết quả nâng bậc lương theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2005/TT, cơ quan, đơn vị (bao gồm cả cơ quan, đơn vị có dưới 20 biên chế trả lương) báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi và kiểm tra về số người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình. Cơ quan quản lý cấp trên căn cứ vào tổng số biên chế dư ra dưới 20 người theo báo cáo của các cơ quan, đơn vị trực thuộc để giao thêm số người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc (trong năm sau liền kề) ngoài số người thuộc chỉ tiêu theo tỷ lệ không quá 5% của cơ quan, đơn vị trực thuộc (trong đó ưu tiên cho các đơn vị có dưới 20 biên chế và đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác), nhưng phải bảo đảm tổng số người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc ở các cơ quan, đơn

vị trực thuộc không vượt quá 5% tổng số biên chế trả lương tính theo báo cáo của tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Riêng việc xác định số người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 cho đến hết năm 2005 được tính tỷ lệ của 5 quý (quý IV năm 2004 và cả năm 2005) với tỷ lệ không quá 6,25% tổng số biên chế trong danh sách chuyển xếp lương cũ sang lương mới của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (cứ trong 16 người được xác định có 01 người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc). Nếu đến hết quý I năm 2006, cơ quan, đơn vị không thực hiện hết số người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn theo tỷ lệ 6,25% này (chỉ tiêu của quý IV năm 2004 và cả năm 2005) thì không được tính vào chỉ tiêu của năm 2006.

Từ năm 2006 trở đi, số người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định không quá 5% tổng số biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị (trường hợp có thay đổi về biên chế trả lương so với số đã báo cáo cơ quan quản lý cấp trên từ 20 người trở lên, thì cơ quan, đơn vị tự điều chỉnh số người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn theo đúng cách tính tỷ lệ không quá 5% biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi và kiểm tra). Nếu đến hết quý I ở năm sau liền kề, cơ quan, đơn vị không thực hiện hết số người thuộc chỉ tiêu được nâng bậc lương trước thời hạn của năm đó (kể cả số người được cơ quan quản lý cấp trên giao thêm, nếu có) thì không được tính vào chỉ tiêu nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của các năm sau.

4. Sửa đổi ví dụ tại điểm 1.2 khoản 1 mục III như sau:

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A, chuyên viên đã xếp bậc 3 hệ số lương cũ 2,34 từ ngày 01 tháng 4 năm 2003 đến ngày 01 tháng 10 năm 2004 được chuyển sang hệ số lương mới là 3,00 bậc 3 ngạch chuyên viên (thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2003). Trong năm 2005 ông A lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, đến ngày 01 tháng 02 năm 2006 được cấp có thẩm quyền quyết định nâng bậc lương trước thời hạn 9 tháng (nâng lên bậc 4 hệ số lương mới

3,33), thì thời điểm ông A được hưởng bậc lương mới (bậc 4) được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2005 (thời điểm còn thiếu 9 tháng để nâng bậc lương thường xuyên). Do ông A được quyết định nâng bậc lương trước thời hạn vào ngày 01 tháng 02 năm 2006 (sau ngày 01 tháng 7 năm 2005 là thời điểm được tính hưởng bậc lương mới) nên ông A được truy lĩnh tiền lương và truy nộp bảo hiểm xã hội phần chênh lệch hệ số lương giữa bậc 4 so với bậc 3 là 0,33 (3,33 - 3,00) từ tháng 7 năm 2005 đến hết tháng 01 năm 2006; thời gian xét nâng bậc lương lần sau của ông A được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

5. Bổ sung vào khoản 1 mục V về có hiệu lực thi hành như sau:

Bãi bỏ khoản 5 mục III về chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức cấp xã quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2004/TTLT/BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 14 tháng 5 năm 2004 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (để thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2005/TT).

II. VỀ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO

Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2005/TT). Nay hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 02/2005/TT như sau:

1. Sửa đổi điểm c2 khoản 2 mục II như sau:

Nếu thôi giữ chức danh lãnh đạo do được kéo dài thêm thời gian công tác khi đến độ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 71/2000/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ hoặc thôi giữ chức danh lãnh đạo để làm thủ tục nghỉ hưu theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền mà vẫn thuộc biên chế trả lương có đóng bảo hiểm xã hội của cơ quan, đơn vị (sau đây gọi chung là thôi giữ chức danh lãnh đạo), thì kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 được chuyển mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hệ số cũ sang hưởng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hệ số mới của chức

danh lãnh đạo đã đảm nhiệm tại thời điểm thôi giữ chức danh lãnh đạo cho đến ngày nhận sổ hưu (trường hợp thôi giữ chức danh lãnh đạo từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 trở đi thì hưởng bảo lưu mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hệ số mới kể từ ngày thôi giữ chức danh lãnh đạo cho đến ngày nhận sổ hưu).

2. Bổ sung vào cuối điểm d2 khoản 2 mục II như sau:

Nếu do sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị ở Trung ương theo Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thì tùy từng trường hợp cụ thể, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào tương quan đội ngũ cán bộ lãnh đạo thuộc phạm vi quản lý xem xét, quyết định cho hưởng bảo lưu mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo (theo hệ số mới) của hạng cũ hoặc vị trí cũ của cơ quan, đơn vị đó và gửi báo cáo về Bộ Nội vụ để theo dõi.

3. Sửa đổi đoạn cuối khoản 2 mục IV về việc áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các cơ quan, đơn vị có quy định khung phụ cấp chức vụ lãnh đạo tại bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

Trong thời gian chưa có hướng dẫn về xếp hạng của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tạm thời giữ mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hệ số cũ hiện hưởng (nếu có). Sau khi có quyết định xếp hạng tổ chức (theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) của cơ quan có thẩm quyền (theo hướng dẫn về xếp hạng tổ chức của bộ quản lý ngành, lĩnh vực), thì được truy lĩnh phụ cấp và truy nộp bảo hiểm xã hội phần chênh lệch giữa mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hệ số mới so với mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hệ số cũ (nếu có) kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004. Trường hợp giữ chức danh lãnh đạo sau ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến trước ngày có quyết định xếp hạng thì được truy lĩnh phụ cấp chức vụ và truy nộp bảo hiểm xã hội kể từ ngày giữ chức danh lãnh đạo.

Trường hợp hạng mới của tổ chức được xếp cao hơn so với hạng cũ (sau đây gọi là nâng hạng), thì trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến trước ngày có quyết định nâng hạng được truy lĩnh phụ cấp và truy nộp bảo hiểm xã hội